

Bản án số: 08/2022/HS-ST

Ngày 24-01-2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Kim Quy.

*Thẩm phán:* Bà Phạm Thị Thanh Loan.

*Các Hội thẩm nhân dân:* - Ông Nguyễn Thanh Toàn;

- Bà Bàn Thị Ba;

- Bà Nguyễn Thị Phụng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Hồng Nhung - Thư ký viên của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:** Bà Âu Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 24/01/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý 74/2021/TLST-HS ngày 26/11/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 87/2021/QĐXXST-HS ngày 28/12/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/HSST-QĐ ngày 11/01/2022, đối với bị cáo:

Họ và tên Trịnh Đức T1, sinh ngày 01/01/1969 tại huyện Đ, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Khu I, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Hán; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Xuân L(đã chết) và bà Mua Chúng S1(đã chết); có vợ là Phạm Thị V, sinh năm 1970, có 03 con, lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 19/01/2000 bị Tòa án nhân dân huyện Y xử phạt 18 (mười tám) tháng tù giam về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 05/ST; ngày 07/01/2013, bị Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Sơn La tuyên phạt 07 (bảy) năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo Bản án số 14/HSST; giấy chứng minh nhân dân số 073130486, do Công an tỉnh Hà Giang cấp ngày 17/5/2018; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/5/2021; có mặt.

**- Người bào chữa cho bị cáo:** Bà Phạm Thị L- Luật sư Văn phòng luật sư Phạm Thị L và các cộng sự, địa chỉ số 34, đường P, tổ 7, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Bà Phạm Thị V, sinh năm 1970; địa chỉ: Khu I, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; CMTND số 073628827 do Công an tỉnh Hà Giang cấp ngày 13/8/2019; có mặt.

- *Người làm chứng:* Anh Dương Siêu H1 có mặt; anh Hùng Quang V vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Trịnh Đức K, anh Lý Quảng T2 vắng mặt không có lý do.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 15 giờ, ngày 11/5/2021, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Hà Giang phối hợp với Công an huyện Đ, tỉnh Hà Giang bắt quả tang Trịnh Đức T1, sinh năm 1969, trú tại Khu I, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Hà Giang có hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tang vật thu giữ: 12 (*mười hai*) gói nhỏ bằng giấy trắng bên trong từng gói có chứa chất màu trắng nghi là ma túy heroine; số tiền 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) cùng một số tang vật khác.

Cùng ngày Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Giang phối hợp với Công an huyện Đ, tỉnh Hà Giang thực hiện Lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trịnh Đức T1 thu giữ: 01 khối hộp (*bánh*) bên ngoài được bọc bằng nilon màu trắng, có 01 đầu bị cắt tách rời bên trong có chứa chất bột màu trắng nghi là ma túy heroine; 05 gói bằng giấy trắng bên trong từng gói đều có chứa chất bột màu trắng nghi là ma túy heroine; 01 gói nilon màu trắng bên trong có chứa chất nhựa dẻo màu nâu đen nghi là nhựa thuốc phiện và một số đồ vật khác nghi liên quan đến hành vi phạm tội về ma túy.

Tại Cơ quan điều tra, Trịnh Đức T1 khai nhận: Bản thân nghiện ma túy, năm 2013 bị Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Sơn La xử phạt 7 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, chấp hành án tại Trại giam Q tỉnh Tuyên Quang. Trong thời gian chấp hành án, T1 có quen một người tên là Sùng A S2 nhà ở huyện M, tỉnh Yên Bái cũng đang chấp hành án về tội ma túy, qua tiếp xúc S2 giới thiệu mẹ của S2 biết lấy thuốc nam chữa bệnh gan và cho T1 địa chỉ để T1 liên lạc lấy thuốc nam.

Khoảng đầu tháng 10/2019, bị cáo T1 lên bản P, xã N, huyện M, tỉnh Yên Bái gặp mẹ của S2 để lấy thuốc nam chữa bệnh gan. Tại nhà mẹ của S2, T1 gặp một người đàn ông tên là T4 (*không biết họ tên, địa chỉ cụ thể*). Qua nói chuyện T4 biết T1 là người nghiện ma túy nên T4 đặt vấn đề mua bán ma túy với T1, T1 đồng ý mua ma túy của T4 với số tiền 80.000.000đ (*Tám mươi triệu đồng*). T4 trực tiếp điều khiển xe máy lên bản người Mông (*không rõ tên bản*), vào nhà của một người dân tộc Mông (*T4 giới thiệu đó là nhà của T4*) để T1 giao dịch mua bán ma túy 01 bánh heroine.

Số ma túy mua được của T4, T1 mang về cất giấu trong nhà, chia lẻ bán cho những con nghiện trên địa bàn và sử dụng cho bản thân. Số tiền do bán ma túy mà có T1 gom lại để mua ma túy lần tiếp theo.

Sau khi bán và sử dụng hết số ma túy mua được, T1 lại liên hệ với T4 để mua ma túy. Vào khoảng tháng 11/2020, Trịnh Đức T1 gọi điện thoại cho T4 (*hiện T1 không nhớ số điện thoại*) hỏi mua ma túy heroin với số tiền là 120.000.000đ (*Một trăm hai mươi triệu đồng*). T4 đồng ý, T1 chuẩn bị đủ tiền rồi bắt xe khách sang tỉnh Yên Bái để gặp T4 mua ma túy, trên đường đi T1 và T4 gọi điện hẹn gặp nhau tại xã T, huyện V, tỉnh Yên Bái, khi đến xã T thì xuống xe gọi điện cho T4 ra đón, T4 đi xe máy ra đón T1 đi lên bản người Mông, đến nhà người dân tộc Mông mà lần trước T1 đã giao dịch mua bán ma túy với T4. Tại đây, T1 đưa tiền cho T4, T4 bảo T1 ở nhà đợi, T4 lấy xe máy đi khoảng 30 phút thì quay lại đưa cho T1 01 gói nilon màu đen, T1 mở ra kiểm tra bên trong thấy có chứa 01 cục Heroin màu trắng và lấy một ít ra sử dụng rồi gói lại, cất gói ma túy vào trong túi bên trong áo khoác đang mặc trên người. Sau khi giao dịch xong T4 lại đèo T1 ra khu chợ xã T để T1 đón xe khách về Hà Giang, khi T4 đi về, T1 ra quán ăn cơm và vào nhà nghỉ ngủ qua đêm tại xã T, đến sáng hôm sau T1 bắt xe khách về Hà Giang.

Số ma túy mua được của T4, T1 mang về cất giấu trong nhà, chia lẻ bán cho những con nghiện trên địa bàn và sử dụng cho bản thân.

Khoảng đầu tháng 4/2021, Trịnh Đức T1 tiếp tục gọi điện cho T4 hỏi mua 01 bánh ma túy heroine, với số tiền 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*). T4 đồng ý, T1 cung cấp địa chỉ nơi ở của T1 cho T4. Khoảng 19 giờ ngày hôm sau thì T4 một mình đi xe máy đến nhà của T1 đang ở thuộc Khu I, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. Khi vào trong nhà T4 ngồi ở bàn uống nước gian phòng khách và đưa 01 bánh ma túy cho T1, đồng thời T1 đưa số tiền 200.000.000 đồng cho T4. Giao dịch mua bán xong T4 đi đâu, làm gì, T1 không biết.

Ngay sau khi T4 đi ra khỏi nhà, tại nền nhà gian phòng khách gần góc để tivi, T1 giải giấy ra nền nhà rồi dùng kéo cắt góc của bánh ma túy heroin ra sau đó dùng kéo chọc, dùi vào góc bánh ma túy xong dốc ngược bánh heroin lên cho bột rơi ra giấy rồi T1 dùng chiếc chày bằng sắt đập vào góc của bánh ma túy heroin vỡ ra một cục, sau đó T1 dốc hết bột ma túy ra giấy rồi mang phần còn lại của bánh ma túy vừa mua được cho vào một túi nilon màu xanh gói kín, tiếp tục cho vào hộp sắt (*loại hộp đựng sữa bột*) đây nắp kín rồi T1 cho chiếc hộp này vào một bao tải dứa màu xanh mang đi cất giấu ở kho để củi của gia đình. Sau khi cất giấu ma túy xong, T1 quay lại phòng khách dùng chiếc chày sắt giã nhỏ số ma túy heroin vừa lấy ra thành bột rồi dùng các mảnh giấy trắng có dòng kẻ gói thành nhiều gói nhỏ (*không nhớ số lượng gói*), T1 không chia gói hết số ma túy mà phần còn lại dồn hết gói vào một gói bằng giấy trắng có dòng kẻ. Số ma túy này T1 cất giấu trong nhà để sử dụng cho bản thân và bán cho những con nghiện ma túy bên ngoài. Ngày 11/5/2021, T1 mang 12 (*mười hai*) gói ma túy heroin gói bằng giấy màu trắng cất trong người rồi đi xe máy đi tìm chỗ đánh

bạc. Mục đích T1 mang theo ma túy trên người là để sử dụng cho bản thân và khi có ai hỏi mua thì bán. Khi đang điều khiển xe máy trên đường thì bị lực lượng Công an yêu cầu dừng xe kiểm tra, phát hiện ma túy trên người, lập biên bản bắt quả tang thu giữ toàn bộ tang vật.

Từ năm 2019 đến khi bị bắt, Trịnh Đức T1 đã nhiều lần bán ma túy cho những người sử dụng trái phép chất ma túy trên địa bàn huyện Đ, huyện Y. Cụ thể:

1. Bán cho **Dương Siêu H**, sinh năm 1988, trú tại Khu I, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Hà Giang hai lần, mỗi lần một gói nhỏ ma túy heroin với giá 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*).

2. Bán cho **Trịnh Đức K**, sinh năm 1968, trú tại Khu I, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Hà Giang hai lần, mỗi lần một gói nhỏ ma túy heroin với giá từ 100.000đ (*Một trăm nghìn đồng*) đến 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*).

3. Bán cho **Mao Văn S3**, sinh năm 1977, trú tại Khu II, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. Mao Văn S3 thường đến nhà Trịnh Đức T1 dọn dẹp, bỏ củi làm việc nhà, T1 trả công cho Seng mỗi lần 01 gói nhỏ ma túy heroin. Khi có tiền Seng mới hỏi mua ma túy.

4. Bán ma túy cho **Hùng Quang V**, sinh năm 1993, trú tại Khu II, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Hà Giang khoảng 03 lần, mỗi lần từ 100.000đ đến 200.000đ.

5. Bán ma túy cho **Lý Quảng T**, sinh năm 1985, trú tại Khu II, thị trấn P, Đ, Hà Giang, T1 không nhớ được cụ thể. Trịnh Đức T1 nhớ lần gần đây được bán cho Lý Quảng T2 là vào khoảng cuối năm 2020, Lý Quảng T2 hỏi mua ma túy của T1 01 tép ma túy heroin, T1 đồng ý. Do không có tiền nên Lý Quảng T2 có để lại Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Lý Quảng T.

6. Bán ma túy cho **Giàng Mí S4**, sinh năm 1996, trú tại xã S, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. Vào khoảng tháng 5/2020 Trịnh Đức T1 bán cho Giàng Mí S4 một tép ma túy heroin, do không có tiền nên Giàng Mí S4 để lại Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Giàng Mí S4.

7. Bán ma túy cho **Nguyễn Minh H2**, sinh năm 1999, trú tại thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang nhiều lần. Trịnh Đức T1 không nhớ được cụ thể. Mỗi lần bán từ 200.000đ đến 600.000đ.

Về số ma túy loại nhựa thuốc phiện, Trịnh Đức T1 khai nhận: Vào năm 2019 (*không nhớ rõ ngày, tháng*), T1 có đi chợ S, huyện Đ, tỉnh Hà Giang gặp và mua được gói nhựa thuốc phiện với giá 600.000đ (*Sáu trăm nghìn đồng*) của một người đàn ông dân tộc Mông (*không rõ họ tên, địa chỉ*). Khi về đến nhà, T1 cất giấu số nhựa thuốc phiện này vào túi giả da trong buồng ngủ. Mục đích mua về để làm thuốc chữa bệnh sơ gan, đau bụng cho bản thân.

Tại bản kết luận giám định số: 226/KL-PC09 ngày 17/5/2021 Phòng PC09 Công an tỉnh Hà Giang. Kết luận giám định số tang vật thu giữ của Trịnh Đức T1 như sau:

1. Chất bột màu trắng ký hiệu **A1, A2, A3, A4, A5, A6, A7, A8, A9, A10, A11, A12, A14, A15, A16, A17, A18, A21** là ma túy, loại Heroine, có tổng khối lượng là **256,06 gam** (*Hai trăm năm mươi sáu phẩy không sáu gam*).

(*Heroine nằm trong danh mục I, mục IA, STT 9, Nghị định số 73/2018/NĐ-CP, ngày 15/5/2018 của Chính phủ*).

2. Chất nhựa dẻo màu nâu đen ký hiệu **A13** là ma túy, loại Nhựa thuốc phiện, có khối lượng là **5,75 gam** (*Năm phẩy bảy mươi lăm gam*).

(*Thuốc phiện nằm trong danh mục I, mục ID, STT 47, Nghị định số 73/2018/NĐ-CP, ngày 15/5/2018 được sửa đổi, bổ sung bằng Nghị định số 60/2020/NĐ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ*)

Tại bản Cáo trạng số 21/CT-VKSHG.P1 ngày 23/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang đã truy tố bị cáo Trịnh Đức T1 về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm b khoản 1 Điều 249 và tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên toà, bị cáo Trịnh Đức T1 xác nhận toàn bộ diễn biến hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã nêu là đúng, không có ý kiến bổ sung thêm, bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, do bị cáo bị bệnh tật nên mới mua ma túy sử dụng để giảm đau, còn lại bị cáo bán để lấy tiền sử dụng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên toà giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên bố bị cáo Trịnh Đức T1 phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm b khoản 1 Điều 249 và tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Về hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trịnh Đức T1 từ 01 năm đến 02 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo 20 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt chung buộc bị cáo phải chấp hành từ 21 năm đến 22 năm tù, thời hạn tù tính kể từ ngày 11/5/2021.

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu tiêu huỷ các vật chứng đã thu giữ không còn giá trị sử dụng; trả lại cho chủ sở hữu đối với tài sản, giấy tờ thu giữ khi bắt giữ, khám xét tại nơi ở của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội.

Về án phí: áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Trịnh Đức T1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày lời bào chữa: Hành vi phạm tội của bị cáo là rõ ràng, bị cáo bị truy tố, xét xử về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm b khoản 1 Điều 249 và tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm

b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, nhận thức pháp luật thấp, bị cáo mắc rất nhiều bệnh. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 249, điểm b khoản 4 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cân nhắc, xem xét và áp dụng mức hình phạt thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo là 20 năm tù.

Bị cáo nhất trí với lời bào chữa của Luật sư bào chữa, không bổ sung thêm. Khi nói lời sau cùng, bị cáo tỏ rõ sự ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt người làm chứng là anh Hùng Quang V có lý do, anh Trịnh Đức K, anh Lý Quảng T2 không có lý do. HĐXX xét thấy người làm chứng vắng mặt nhưng đã có lời khai có trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên căn cứ Điều 293, Điều 299 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, HĐXX thảo luận và quyết định vẫn tiến hành xét xử.

[3] Về tội danh: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Trịnh Đức T1 thừa nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung, diễn biến hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng đã nêu, phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, không mâu thuẫn, phù hợp với lời khai của những người làm chứng (*bút lục từ 253-254; 262-263; 274-276; 294-297*); Biên bản bắt người phạm tội quả tang (*bút lục 01-02*); Kết luận giám định (*bút lục từ 89-90*) và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[4] Như vậy, đã có đủ cơ sở để khẳng định: Bị cáo Trịnh Đức T1 đã tàng trữ 5,75 gam thuốc phiện trong nhà; Tàng trữ 256,06 gam Heroine trong nhà và trên người để bán nhiều lần cho nhiều người để kiếm lời và sử dụng cho bản thân. Hành vi của bị cáo T1 đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" có tình tiết định khung là "*Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 01 gam đến dưới 500 gam*" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 249 và tội "Mua bán trái phép chất ma túy" với tình tiết định khung là "*Heroine, Cocaine, methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc*

*XLR-11 có khối lượng 100 gam trở lên”* theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[5] Về tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc T1 hợp đặc biệt nghiêm trọng, cùng một lúc phạm hai tội, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, không những xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước mà còn là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác, gây nhiều tác hại đối với con người và cộng đồng, gia tăng các loại tệ nạn xã hội, làm băng hoại đạo đức, suy kiệt giống nòi, gây mất trật tự trị an trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng đến đạo đức, danh dự nhân phẩm và hạnh phúc gia đình. Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên bị cáo phải nhận thức và hiểu biết về pháp luật phòng chống ma túy, nhận thức được tác hại của ma túy đối với sức khỏe con người và xã hội, biết được ma túy là hàng quốc cấm nhà nước ta nghiêm cấm mọi hành vi Mua bán, tàng trữ, vận chuyển trái phép chất ma túy, ai xâm phạm loại tội phạm này sẽ bị xử lý nghiêm minh trước pháp luật. Song chỉ vì vụ lợi cá nhân, bất chấp pháp luật mà bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Về nhân thân của bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Sơn La xử phạt 07 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Bản án số 14/HSST ngày 07/01/2013, bị cáo không lấy đó để làm bài học để tự tu dưỡng, rèn luyện, cải tạo, giáo dục bản thân mà vẫn tiếp tục thực hiện tội phạm liên quan đến ma túy. Căn cứ vào tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra, cũng như để đấu tranh phòng chống loại tội phạm ma túy hiện nay đang diễn ra hết sức phức tạp trên cả nước nói chung và tỉnh Hà Giang nói riêng. Do đó, cần có mức hình phạt thật nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời hạn nhất định để đảm bảo tác dụng giáo dục, cải tạo, răn đe người phạm tội và làm gương cho những người khác.

[6] Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

[7] Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần được xem xét khi lượng hình đối với bị cáo.

[8] Về hình phạt bổ sung: HĐXX xét thấy bị cáo Trịnh Đức T1 làm nghề tự do, thu nhập không ổn định, là đối tượng nghiện ma túy nên không cần áp dụng hình phạt bổ S2ng đối với bị cáo T1.

[9] Cần tiếp tục ra quyết định tạm giam đối với bị cáo Trịnh Đức T1 với thời hạn là 45 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm theo Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự .

[10] Về vật chứng của vụ án: Đối với 01 xe máy nhãn hiệu HONDA, màu sơn: Trắng - Đen - Bạc, số loại WAVE ALPHA, Biển kiểm soát: 23B1-450.76 mang tên Trịnh Đức T1; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 070269 do phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Hà Giang cấp ngày 19/10/2020 mang tên Trịnh Đức T1; 01 chứng minh nhân dân số 073 130 486 mang tên Trịnh Đức T1 do Công an tỉnh Hà Giang cấp ngày 17/5/2018; 02 chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà bị cáo khai nhận chiếc xe máy này bị cáo mua ở một cửa hàng xe máy

ở huyện Y cách đây khoảng 04 năm, số tiền mua xe máy là do người nhà bị cáo cho và là tài sản chung của gia đình bị cáo. Xét thấy chiếc xe máy này do bị cáo sử dụng khi đang đi trên đường, không có căn cứ chứng minh bị cáo sử dụng vào mục đích phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo T1 cùng các giấy tờ có liên quan.

[11] Đối với số tiền 10.253.000 VNĐ đã chuyển tiền vào tài khoản Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà bị cáo khai nhận số tiền này là của bà Phạm Thị V (vợ bị cáo) đi làm tiết kiệm được, mục đích là để chi tiêu sinh hoạt hàng ngày. Xét thấy số tiền trên không có căn cứ chứng minh có liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo, người nhận lại tiền là bà Vân .

[12] Đối với 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 001361 do Công an huyện Đ, tỉnh Hà Giang cấp ngày 14/4/2015 mang tên Giàng Mí S4; 01 Giấy phép lái xe số 080117000154 do Sở Giao thông vận tải tỉnh Hà Giang cấp ngày 31/10/2017 mang tên Trịnh Đức T6; 01 Giấy phép lái xe số 080163000963 do Sở Giao thông vận tải tỉnh Hà Giang cấp ngày 15/01/2016 mang tên Đặng Ngọc S5, mặt trước bị bong lớp dán; 01 đăng ký mô tô, xe máy số 018286 do phòng CSGT Công an tỉnh Hà Giang cấp ngày 01/12/2008 mang tên Lý Quang T. Đây là các giấy tờ của Giàng Mí S4, Trịnh Đức T6, Đặng Ngọc S5, Lý Quang T các cơ quan CSĐT tạm giữ khi khám xét tại nơi ở của bị cáo T1. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo khai nhận số giấy tờ này bị cáo giữ lại làm tin để bán ma túy cho Giàng Mí S4, Lý Quang T; còn giấy tờ của Đặng Ngọc S5, Trịnh Đức T6 là do vay tiền của bị cáo nên Đặng Ngọc S5, Trịnh Đức T6 để lại giấy tờ có liên quan để đảm bảo khoản vay. Xét thấy đây là tài sản được xác định là thuộc quyền sở hữu của Giàng Mí S4, Trịnh Đức T6, Đặng Ngọc S5, Lý Quang T2 nên cần trả lại cho chủ sở hữu.

[13] Tịch thu tiêu hủy những vật chứng còn lại theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/11/2021 giữa Công an tỉnh Hà Giang và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang.

[14] Đối với đối tượng tên là T4 (*không rõ họ tên, địa chỉ*), là người đã bán ma túy heroin cho bị cáo, quá trình điều tra không xác định được lai lịch đối tượng T4 nên không đủ căn cứ để tiến hành các biện pháp điều tra theo Bộ luật Tố tụng hình sự. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Giang tiếp tục xác minh sẽ xử lý nếu có căn cứ.

[15] Trong vụ án này ngoài bị cáo Trịnh Đức T1 còn có các đối tượng Dương Siêu H, Trịnh Đức K, Mao Văn S3, Hùng Quang V, Lý Quang T, Giàng Mí S4, Nguyễn Minh H2 là những người đã mua ma túy của bị cáo Trịnh Đức T1 để sử dụng cho bản thân. Đối với các đối tượng Dương Siêu H, Trịnh Đức K, Hùng Quang V, Lý Quang T và bị cáo Trịnh Đức T1 có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, xét nghiệm dương tính với chất ma túy, Phòng CSĐTTP về ma túy Công an tỉnh Hà Giang đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính và thông báo hành vi, vi phạm về cơ quan, chính quyền địa phương nơi cư trú đối với theo khoản 1 Điều 21 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP, ngày 12/11/2013 của



Chính phủ, quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực ANTT, ATXH, phòng chống tệ nạn xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[16] Các đối tượng Giàng Mí S4, Nguyễn Minh H2 trong giai đoạn điều tra không có mặt tại địa phương nơi cư trú, là người lao động tự do, hiện nay không biết đi đâu. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Giang đã có thông báo trao đổi để Công an địa phương áp dụng các biện pháp quản lý và xử lý theo quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử không cần đề cập xem xét.

[17] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với tính chất mức độ hành vi phạm tội, đúng với quy định của pháp luật, nên cần chấp nhận.

[18] Chấp nhận một phần ý kiến, đề nghị của Luật sư bào chữa, không chấp nhận đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xem xét áp dụng mức hình phạt thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo của Luật sư bào chữa tại phiên tòa.

[19] Về án phí: Bị cáo T1 phải chịu án phí theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[20] Về quyền kháng cáo: bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trịnh Đức T1 phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trịnh Đức T1 01 (Một) năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo T1 20 (Hai mươi) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 21 (Hai mươi một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt ngày 11/5/2021.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Trịnh Đức T1.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, quyết định tạm giam đối với bị cáo Trịnh Đức T1 với thời hạn là 45 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 24/01/2021.

3. Về vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015

+ Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) điện thoại loại bàn phím màu đen, mặt trước và sau có in chữ

NOKIA (điện thoại thu giữ khi bắt quả tang của Trịnh Đức T1), điện thoại đã cũ, không còn giá trị sử dụng .

- 01 (một) phong bì màu nâu, niêm phong kín, mặt trước phong bì ghi “*Mẫu vật hoàn trả sau giám định ký hiệu A1 đến A21*” mặt sau phong bì có 07 hình dấu tròn đỏ của phòng PC09 Công an tỉnh Hà Giang và chữ ký, chữ viết thành phần tham gia niêm phong; theo kết luận giám định số 226/KL-PC09 ngày 17/5/2021 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang;

- 01 (một) thùng niêm phong, mặt thùng có ghi “*Toàn bộ vỏ bao, hộp, phong bì niêm phong cũ*” trên các dải giấy niêm có 09 hình dấu tròn đỏ của Phòng CSĐTTP về ma túy Công an tỉnh Hà Giang và các chữ ký, chữ viết, vân tay điểm chỉ của thành phần tham gia niêm phong theo Biên bản mở niêm phong cân tịnh, xác định khối lượng mẫu vật và niêm phong ngày 12/5/2021 của phòng PC04 Công an tỉnh Hà Giang;

- 01 (một) phong bì màu nâu, niêm phong kín, mặt trước phong bì ghi “*Mẫu vật hoàn trả sau giám định là 01 vật bằng kim loại hình dạng chiếc chày*” mặt sau phong bì có 07 hình dấu tròn đỏ của phòng PC09 Công an tỉnh Hà Giang và chữ ký, chữ viết thành phần tham gia niêm phong theo kết luận giám định số 227/KL-PC09 ngày 18/5/2021 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang;

- 01 (một) phong bì màu nâu, niêm phong kín, mặt trước phong bì ghi “*Mẫu vật hoàn trả sau giám định dấu vết đường vân gồm: là 01 (một) túi ni lon màu xanh và 01 (một) túi ni lon màu trắng*” mặt sau phong bì có 07 hình dấu tròn đỏ của phòng PC09 Công an tỉnh Hà Giang và chữ ký, chữ viết thành phần tham gia niêm phong theo kết luận giám định số 225/KL-PC09 ngày 21/5/2021 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang;

- 01 (một) túi giả da màu đen, cũ đã qua sử dụng;

- 01 (một) cân điện tử tiểu ly màu đen, mặt trên có chữ POCKETSCALE đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong;

- 01 (một) con dao (đao) bằng kim loại màu trắng, bản dao có chữ USA.DDEESSIGN đã qua sử dụng;

- 01 (một) chiếc ví giả da màu nâu đen, bị hỏng khó kéo, đã qua sử dụng;

- 01 (một) mảnh giấy màu trắng, một mặt ghi chữ số 0987385909 bằng mực màu đen;

- 01 (một) mảnh giấy màu trắng có dòng kẻ ô ly có chữ viết, chữ số “*Tuyên oanh 0359 414033*” bằng mực màu đen;

- 01 (một) mảnh giấy trắng, một mặt in chữ màu đen, một mặt có ghi số 0888 166 298 và chữ viết “*Thiện*” bằng mực màu xanh;

- 01 (một) mảnh giấy trắng có ghi chữ số 0382 599 756 bằng mực màu xanh;

- 02 (hai) mảnh giấy bạc.

+ Trả lại cho bị cáo Trịnh Đức T1:

- 01 xe máy nhãn hiệu HONDA, màu sơn: Trắng - Đen - Bạc, số máy: JA39E0604017, số khung: RLHJA3905 HY628865, số loại WAVE ALPHA,

biển kiểm soát: 23B1-450.76, yếm bên trái bị vỡ, xe đã qua sử dụng, không tiến hành kiểm tra tình trạng hoạt động bên trong của xe;

- 01 (một) chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 044331 do phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Hà Giang cấp ngày 20/7/2018 mang tên Trịnh Đức T1;

- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 070269 do phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Hà Giang cấp ngày 19/10/2020 mang tên Trịnh Đức T1;

- 01 (một) chứng minh nhân dân số 073 130 486 mang tên Trịnh Đức T1 do Công an tỉnh Hà Giang cấp ngày 17/5/2018;

- Số tiền 10.253.000<sup>d</sup> (Mười triệu hai trăm năm ba nghìn đồng chẵn);

Người nhận lại các tài sản trên là bà Phạm Thị V (vợ bị cáo T1), địa chỉ: Khu I, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Hà Giang.

+ Trả lại các chủ sở hữu hợp pháp các tài sản:

- Anh Giàng Mí S4, địa chỉ: Xã S, huyện Đ, tỉnh Hà Giang 01 (một) chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 001361 do Công an huyện Đ, tỉnh Hà Giang cấp ngày 14/4/2015 mang tên Giàng Mí S4;

- Ông Trịnh Đức T6, địa chỉ: Thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Hà Giang 01 (một) Giấy phép lái xe số 080117000154 do Sở Giao thông vận tải tỉnh Hà Giang cấp ngày 31/10/2017 mang tên Trịnh Đức T6 ;

- Ông Đặng Ngọc S5, địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang 01 (một) Giấy phép lái xe số 080163000963 do Sở Giao thông vận tải tỉnh Hà Giang cấp ngày 15/01/2016 mang tên Đặng Ngọc S5, mặt trước bị bong lớp dán;

- Anh Lý Quảng T, địa chỉ: Khu II, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Hà Giang 01 (một) đăng ký mô tô, xe máy số 018286 do phòng CSGT Công an tỉnh Hà Giang cấp ngày 01/12/2008 mang tên Lý Quang T.

*(Tình trạng các vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/11/2021 giữa Công an tỉnh Hà Giang và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang)*

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Trịnh Đức T1 phải chịu 200.000<sup>d</sup> (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

*T1 hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***

- VKSND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- PC01; PC02; PV06; PC10 Công an tỉnh Hà Giang;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Kim Quy**